

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ - ST

Ngày 26/8/2026

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Tố Loan

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Anh Trâm - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Quỳnh Đăng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2026/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn E (nay là thôn Đ), xã C, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn E (nay là thôn Đ), xã C, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L kết hôn với anh Trịnh Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn

(nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên) ngày 22/11/2018, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên thời gian về sau phát sinh những bất đồng quan điểm và thường xuyên xảy ra tranh cãi, ban đầu mâu thuẫn còn ở mức độ nhẹ, có thể hòa giải và tiếp tục chung sống. Tuy nhiên từ năm 2019 đến nay tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài và không thể khắc phục, anh T không tu trí làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình, mọi chi phí sinh hoạt và nuôi dưỡng con cái đều do chị L gánh vác. Hiện nay chị và anh T đã cắt đứt mọi liên lạc, không còn quan tâm, hỏi han hay thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào đối với vợ con, do vậy chị L nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

Về con chung: Chị Hà Thị L và anh Trịnh Văn T có một con chung tên là Trịnh Mai T1 sinh ngày 09/9/2019, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang ở với anh Trịnh Văn T được anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị có nguyện vọng giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Hà Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vay nợ chung và cho vay nợ chung: Chị Hà Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Trịnh Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn từ năm 2018 tại UBND thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên), cuộc sống hôn nhân hạnh phúc cho đến khi chị L đi xuất khẩu lao động Nhật Bản, chị L ghen tuông vô cớ dẫn đến hai vợ chồng xa cách, khi chị L về nước cũng không về nhà mà lại về nhà ngoại tại thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay, dù có mâu thuẫn nhưng anh và chị L đều không tìm nhau để hòa giải, nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh nhất trí nhưng chưa muốn giải quyết thời điểm này.

Về con chung: Anh và chị L có một con chung tên là Trịnh Mai T1 sinh ngày 09/9/2019 con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang ở với anh được anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Trịnh Văn T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Trịnh Văn T trình bày giữa anh và chị Hà Thị L không có tài sản chung, do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung và cho vay nợ chung: Anh Trịnh Văn T trình bày giữa anh và chị Hà Thị L không có nợ chung và cho vay nợ chung, do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị L đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Hà Thị L vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trịnh Văn T và đề nghị giao con chung Trịnh Mai T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Bị đơn anh Trịnh Văn T vắng mặt tại phiên tòa không lý do, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của anh T và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của chị Hà Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hà Thị L có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn tranh chấp nuôi con chung với anh Trịnh Văn T, nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Trịnh Văn T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại xã C, tỉnh Thái Nguyên do vậy việc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017.

Tại phiên tòa hôm nay cả nguyên đơn chị Hà Thị L và bị đơn anh Trịnh Văn T đều vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị Hà Thị L và anh Trịnh Văn T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L kết hôn với anh Trịnh Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2018 tại UBND thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên) ngày 22/11/2018, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên thời gian về sau phát sinh những bất đồng quan điểm và thường xuyên xảy ra tranh cãi, ban đầu mâu thuẫn còn ở mức độ nhẹ, có thể hòa giải và tiếp tục chung sống. Tuy nhiên từ năm 2019 đến nay tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài và không thể khắc phục, chị L và anh T đã cắt đứt mọi liên lạc, không còn quan tâm, hỏi han hay thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với nhau, chị L và anh T đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Hà Thị L được ly hôn với anh Trịnh Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị Hà Thị L và anh Trịnh Văn T một con chung tên là Trịnh Mai T1 sinh ngày 09/9/2019, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang ở với anh T được anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh T phù hợp với đề nghị của chị L và phù hợp với nguyện vọng của cháu T1.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị L và anh Trịnh Văn T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Chị Hà Thị L và anh Trịnh Văn T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về vay nợ chung và cho vay: Chị Hà Thị L và anh Trịnh Văn T không yêu cầu giải quyết về vay nợ chung và cho vay, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Đánh giá quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị L
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L được ly hôn với anh Trịnh Văn T.
3. Về con chung: Giao con chung Trịnh Mai T1 sinh ngày 09/9/2019 cho anh Trịnh Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị L và anh Trịnh Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về tài sản chung: Chị Hà Thị L và anh Trịnh Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về vay nợ chung và cho vay nợ chung: Chị Hà Thị L và anh Trịnh Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001951 ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- TAND tỉnh Thái Nguyên. (01b)
- VKSND tỉnh Thái Nguyên.(01b)
- Phòng THADS khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- UBND xã Chợ Rã. (01b)
- Các đương sự. (02b)
- Lưu hs; lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thanh Tuấn